TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 3 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Dân
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 732/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐ XXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 giữa các ương sự :

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1989. Địa chỉ cư trú: Ấp P.A, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn Trọng P, sinh năm: 1978. Địa chỉ cư trú: Ấp P.A, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2023, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Trọng P kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 119/2013 ngày 13/12/2013. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, ông P có lời lẽ xúc phạm bà, vợ chồng đã sống ly thân khoảng ba tháng. Bà D nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Đặng Triệu V, sinh ngày 27/11/2014và Nguyễn Đặng Hoàng A, sinh ngày 07/4/2020, hiện đang sống cùng bà D. Khi ly hôn bà D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định tự thỏa thuận về phân chia tài sản chung. Vợ chồng chung sống không có nợ chung. Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Trọng P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng để thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà D nhưng ông P không đến Tòa án theo văn bản triệu tập cũng không trình bày ý kiến của ông P về yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Trọng P kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 119/2013 ngày 13/12/2013, đúng quy định của pháp luật. Bà D yêu cầu ly hôn với ông P. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Nguyễn Trọng P Tòa án tống đạt tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng để triệu tập ông P đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai, triệu tập ông P để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông P vắng mặt không rõ lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà D yêu cầu ly hôn với ông P với lý do vợ chồng có mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống, bà D và ông P đã ly thân khoảng 03 tháng hiện không còn chung sống. Ông P đã được triệu tập nhưng đều vắng mặt và không có yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, nên chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông P.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Đặng Triệu V, sinh ngày 27/11/2014 và Nguyễn Đặng Hoàng A, sinh ngày 07/4/2020, hiện đang sống cùng bà D. Khi ly hôn bà D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Ông P không có ý kiến đối với yêu cầu này của bà D, không có yêu cầu quyền nuôi con. Ý kiến của cháu Nguyễn Đặng Triệu V muốn sống cùng mẹ là bà D. Hiện nay cả hai người con đang do bà D chăm sóc, cần tiếp tục giao cả hai người con cho bà D nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho các con chung. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, do bà D không yêu cầu xem xét trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà D.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu phân chia tài sản chung, tự bà D và ông P thỏa thuận giải quyết không yêu cầu tòa án phân chia tài sản chung. Về nợ chung bà D xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông P không yêu cầu phân chia tài sản chung, không có ý kiến về nợ chung. Đến nay, không ai khác yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm trả nợ của bà D và ông P. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà D phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Nguyễn Trọng P.

Về con chung: Tiếp tục giao cả hai người con chung tên Nguyễn Đặng Triệu V, sinh ngày 27/11/2014 và Nguyễn Đặng Hoàng A, sinh ngày 07/4/2020 cho bà Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Trọng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* bà Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp. Ngày 19/12/2023 bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0007818 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND phường 7, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

Phan Thị Thu